| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – LÀO CAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 58/2026/ HNGĐ - ST<br>Ngày 16 tháng 6 năm 2026.<br>Về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lựa
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quang Vinh
2. Bà Vũ Thị Huệ.
Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Linh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2026/TLST- HNGĐ ngày 09/4/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXX ST- HNGĐ ngày 01/6/2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Bích Ng, sinh năm 2001.

Căn cước công dân số: 010301003628, ngày 20/6/2023. Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH- Bộ Công an. Địa chỉ: Thôn TL, xã X Q, tỉnh LC. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1997.

Căn cước công dân số: 010097004112, ngày 17/12/2021. Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH- Bộ Công an. Địa chỉ: Bản 4AB, xã B H, tỉnh L C. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn chị Đào Bích Ng trình bày:

Năm 2018, chị và anh Triệu Văn T tự nguyện chung sống với nhau theo phong tục tập quán. Đến ngày 25/4/2019, chị và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (nay là xã B H, tỉnh L C) theo quy định của pháp luật. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm đến tháng 02/2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, cả hai đều cho nhau cơ hội nhưng chị và anh T vẫn giữ nguyên phong cách sống, rồi điều qua tiếng lại, chửi mắng chị. Mâu thuẫn giữa chị và anh T đã bị rạn nứt, không có cách nào hàn gắn tình cảm, gay gắt vào tháng 10/2020 chị và anh T tự bỏ mặc không còn quan tâm tính đến nay ly thân khoảng 05 năm. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ chồng với anh T. Chị đề nghị được ly hôn với anh Triệu Văn T.

Về con: Chị Ng xác định, có 0 1 con chung là cháu Triệu Kim Ngân, sinh ngày 17/12/2018. Hiện cháu Ngân đang sống cùng anh T. Nay chị đề nghị tiếp tục giao cháu Ngân cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh T đến khi đủ 18 tuổi.

Việc anh T tự nguyện và chị không tranh chấp nuôi 01 người con có tên trên từ khi ly thân, nay tiếp tục đề nghị giao cho anh T nuôi dưỡng con để tránh sự sáo trộn trong cuộc sống, học tập của con khi ly hôn.

Về tài sản, vay nợ: Chị Ng xác định, chị và anh T không có; không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị của anh Triệu Văn T trình bày: Anh công nhận chị Ng trình bày về thời gian kết hôn, lý do mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân phần trên là đúng. Giữa anh và chị Ng đã trao đổi và được gia đình động viên khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Chị Ng bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống từ tháng 10/2020 đến nay không chung kinh tế của ai người đó tự quản lý, sử dụng và tự chấm dứt không quan hệ tình cảm vợ chồng và bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau tính đến nay ly thân khoảng 05 năm. Nay anh đề nghị ly hôn với chị Đào Bích Ng.

Về con: Anh công nhận chị Ng trình bày phần trên là đúng. Anh đề nghị giao cháu Triệu Kim Ngân, sinh ngày 17/12/2018 cho anh tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản, vay vợ: Anh và chị Ng không có; không nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho ai vay nợ vợ chồng. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng, chị Ng và anh T đã được Tòa thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có) cho chị Ng và anh T. Chị Ng và anh T đã có ý kiến tại bản tự khai trình bày quan điểm về hôn nhân, nuôi con khi ly hôn. Tuy nhiên, từ giai đoạn tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Chị Ng và anh T đều có đơn đề nghị không hòa giải, đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đào Bích Ng và bị đơn anh Triệu Văn T đều có đơn đề nghị xét xử mặt vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo chị Đào Bích Ng yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Xét thấy, bị đơn anh Triệu Văn T cư trú tại Bản 4AB, xã B H, tỉnh L C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lào Cai theo quy định tại Điều 28, Điều

39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Bích Ng và anh Triệu Văn T xác định, ngày 25/4/2019 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai- Nay là xã B H, tỉnh L C. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm đến tháng 02/2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai đều cho nhau cơ hội nhưng anh chị vẫn giữ nguyên phong cách sống, rồi điều qua tiếng lại, chửi mắng nhau làm cho tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng nhất vào tháng 10/2020, chị đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở, bỏ mặc không quan tâm, kinh tế của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay ly thân khoảng 05 năm, thiếu sự chăm lo, yêu thương, chăm sóc, tôn trọng giúp đỡ nhau, người nào biết bốn phận người đó, bỏ mặc nhau trong cuộc sống nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Chị Ng yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh T mà không được chấp nhận yêu cầu thì chị tiếp tục sống ly thân như hiện nay. Anh T không nứu kéo hôn nhân, không hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng nên đề nghị không Hòa giải. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh T mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Bích Ng đề nghị được ly hôn với anh Triệu Văn T.

Về con: Xét thấy, chị Ng và anh T không đề nghị tiến hành hòa giải về giao con khi ly hôn. Tuy nhiên, khi ly thân và trong quá trình tham gia tố tụng chị Ng và anh T đều xác định tự nguyện giao cháu Triệu Kim Ngân, sinh ngày 17/12/2018 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay đã được đảm bảo về mọi mặt. Hơn nữa, trong thời gian anh T nuôi dưỡng con chị Ng vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ của người mẹ đối với con. Do vậy, để đảm bảo rèn luyện về đức, trí, và thể chất lẫn tinh thần và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống cho cháu Ngân, cần chấp nhận đề nghị của chị Ng và anh T giao cháu Ngân cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với việc tự nguyện giao con của đương sự, với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238; Điều

271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2 016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Chị Đào Bích Ng được ly hôn với anh Triệu Văn T.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Triệu Kim Ngân, sinh ngày 17/12/2018 cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Đào Bích Ng không phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm non con của người đó.*

*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

3. Về án phí: Chị Đào Bích Ng phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001350 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Anh Triệu Văn T không phải chịu tiền án tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSNDKV8 – Lào Cai(2);
- Nguyên đơn ( 01).
- Bị đơn ( 01).
- Phòng THADSKV8(1);
- UBND xã Bảo Hà ( 1).
- Lưu HS vụ án ( 02 ),

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA TÒA**

**Đỗ Thị Lựa**